

Chúng tôi xin giới thiệu hướng dẫn giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 7 Unit 1: My hobbies được biên soạn bởi đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm chia sẻ với nội dung dịch rõ ràng và chính xác. Hỗ trợ các em tiếp thu bài mới và trau dồi vốn từ vựng hiệu quả.

Giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 7 Unit 1: My hobbies mới

Giải Tiếng Anh 7 SBT Phonetics trang 3 sách mới

1. Write the word...

(Viết từ bên dưới bức tranh. Đặt từ vào đúng cột.)

/ə/: singer (ca sĩ)	cupboard (tủ chén)	carrot (cà rốt)	fisherman (ngư dân).	
/ɜ:/: Thursday (thứ năm)	T-shirt (áo thun)	áo sơ mi)	bird (chim)	nurse (y tá)

2. Read the conversation...

(Đọc bài đàm thoại. Khoanh tròn /ə/, và gạch chân dưới âm /ɜ:/. Đếm chúng và viết số cuối hàng.)

Mum: What are you doing, my girl?

/ə/ = 0	/ɜ: / = 1
---------	-----------

Mi: I'm drawing, Mum. Look! I'm drawing my former teacher.

/ə/ = 2	/ɜ: / = 0.
---------	------------

Mum: It's so beautiful. First, I like the colour in this picture....

/ə/ = 2	/ɜ: / = 1.
---------	------------

Mi: Anything else?

/ə/ = 0	/ɜ: / = 0
---------	-----------

Mum: I also like his smile. By the way, I've heard he's moving to another city.

/ə/ = 2	/ɜ: / = 1
---------	-----------

Mi: Next term, Mum. That's why I'm drawing this. It's a surprise gift for him.

/ə/ = 1	/ɜ:/ = 1
---------	----------

Hướng dẫn dịch

Mẹ: Con đang làm gì đó con gái?

Mi: Con đang vẽ mẹ à. Nhìn này! Con đang vẽ thầy giáo cũ của con.

Mẹ: Thật đẹp. Đầu tiên mẹ thích màu sắc trong bức tranh...

Mi: Còn gì khác nữa ạ?

Mẹ: Mẹ cũng thích nụ cười của thầy giáo. Nhân tiện, mẹ nghe rằng thầy ấy sẽ chuyển đến một thành phố khác.

Mi: Học kì tới ạ. Đó là lý do tại sao con đang vẽ nó. Nó là một món quà đầy ngạc nhiên tặng thầy ấy.

Giải SBT Anh 7 mới Vocabulary - Grammar trang 4-6

1.Look at the pictures...

(Nhìn vào những bức tranh và những từ trong câu đó. Những từ có thể đi lên, xuống, trước sau.)

judo (võ judo)

television (tivi)

swimming (bơi lội)

stamps (tem)

radio (ra-đi-ô)

football (bóng đá)

aerobics (thể dục nhịp điệu)

books (sách)

cycling (đạp xe đạp)

photos (bức hình)

2. Complete the table ...

(Hoàn thành bảng với những từ ở phần 1. Sau đó thêm ít nhất hai từ vào mỗi danh sách bên dưới.)

go	Cycling, swimming
Play	Football, chess
Watch	Television, film
Listen to	Radio, music
Do	Judo, aerobics
Collect	Books, stamps, photos
Read	Books, newspaper

3. Here are some people...

(Đây là vài người đang nói về sở thích của họ. Em có thể đoán mỗi người đang nói về gì không?)

1. collect old bowl (sưu tầm bát cũ)
2. skating/ roller skating (trượt patin)
3. making model (làm mô hình)
4. cooking (nấu nướng)
5. singing (hát hò)
6. playing boardgames (chơi trò chơi nhóm đội)

Hướng dẫn dịch:

1. Mình thật sự thích đi vòng quanh các cửa hàng để tìm những cái bát cũ. Tỉnh thoảng mình có thể mua chúng ở những chợ trời với giá rẻ. Mình có nhiều bát đẹp cổ ở nhà.
2. Ba mẹ mình đã mua cho mình một đôi giày trượt mới. Mình thích đến công viên và chơi cùng bọn trẻ khác.

3. Ba mình chia sẻ sở thích này với mình. Ba con mình thường dành nhiều giờ vào buổi tối để đọc những hướng dẫn và tạo ra những máy bay hoặc xe hơi nhỏ.
4. Mình thích ở trong bếp và chuẩn bị thức ăn cho gia đình. Thật tuyệt khi thấy người khác thích món ăn của mình.
5. Mình thấy sở thích này thật thoải mái. Mình cảm thấy tốt hơn bất kỳ khi nào mình cất giọng lên để tạo ra thành âm nhạc.
6. Bạn bè mình và mình thường chơi cờ tỷ phú cùng nhau. Thật nhiều niềm vui khi bạn bè cùng nhau tụ tập và chơi một trò chơi hấp dẫn.

4. Complete the following passage...

(Hoàn thành đoạn văn sau về sở thích của người khác trong tương lai. Sử dụng will hoặc won't và những động từ trong khung.)

(1) will prefer	(2) won't like	(3) will go
(4) will explore	(5) won't expect	(6) will take up

Hướng dẫn dịch:

Tôi nghĩ rằng những người trong tương lai sẽ thích những hoạt động ngoài trời hơn. Họ sẽ không thích hoạt động trong nhà nữa. Ví dụ, họ sẽ đi cắm trại trong rừng thay vì chơi cờ tỷ phú ở nhà. Họ sẽ khám phá thiên nhiên thay vì xem tivi... Họ sẽ không dành hàng giờ ngồi trước máy tính, nhưng họ sẽ chạy bộ hoặc đi lướt ván để giữ cơ thể cân đối.

5. Complete each sentence ...

(Hoàn thành mỗi câu bên dưới, sử dụng hình thức đúng của động từ trong ngoặc đơn.)

1. fishing; is	2. will go	3. eating; costs
4. living; will move	5. go; watching	6. will meet

Hướng dẫn dịch:

1. Tôi thích đi câu cá bởi vì nó thật thoải mái.
2. Đừng lo. Mình sẽ đi bơi với bạn vào ngày mai.

3. Bạn bè mình ghét ăn bên ngoài, Họ nghĩ nó tốn nhiều tiền.
4. Ba mẹ mình thích sống ở miền quê. Mình nghĩ họ sẽ chuyển về quê nhà vào năm tới.
5. Chúng tôi đi đến rạp chiếu phim hai lần một tháng. Tất cả chúng tôi đều thích xem những bộ phim mới.
6. Bạn có nghĩ bạn sẽ gặp An vào cuối tuần này không? Mình không chắc.

6. Does your best friend...

(Bạn thân của em thích những hoạt động bên dưới hình hay không? Viết những câu về anh/ chị ấy thích. Nhớ sử dụng những động từ liking + V-ing và thêm lý do.)

1. My best friend doesn't like camping because she is afraid of the dark.
2. She likes flowers.
3. She likes watching birds.
4. She likes shopping.
5. She likes making cakes.
6. She doesn't like climbing.

Hướng dẫn dịch:

1. Bạn thân của tôi không thích cắm trại vì cô ấy sợ bóng tối.
2. Cô ấy thích hoa.
3. Cô ấy thích ngắm những chú chim.
4. Cô ấy thích mua sắm.
5. Cô ấy thích làm bánh.
6. Cô ấy không thích leo núi.

Giải sách bài tập Anh 7 Speaking trang 6, 7 sách mới**1. Nga and Mi meet for the first time...**

(Nga và Mi gặp nhau lần đầu tiên. Chọn a – f để hoàn thành bài đàm thoại của họ.)

(1) b	(2) d	(3) f	(4) e	(5) a	(6) c
-------	-------	-------	-------	-------	-------

Hướng dẫn dịch:

Mi: Nga, sở thích của bạn là gì?

Nga: Mình thích nấu ăn.

Mi: Tại sao?

Nga: Thật tuyệt khi có thể thấy những người khác thích món ăn của mình.

Mi: Bạn bắt đầu sở thích khi nào?

Nga: Khi mình 6 tuổi, mẹ mình dạy mình cách nấu món ăn đầu tiên.

Mi: Bạn có chia sẻ sở thích này với bất kỳ ai không?

Nga: Có, mẹ mình cũng thích

Mi: Nấu ăn có khó không?

Nga: Mình không nghĩ nó khó bởi vì mình rất thích nó.

Mi: Bạn lấy công thức nấu nướng từ đâu?

Nga: Hầu hết thời gian mình học từ mẹ. Thỉnh thoảng mình học từ Internet.

2. Make a similar conversation...

(Làm bài đàm thoại tương tự. Sử dụng thông tin được cho.)

- Hobby (sở thích): sewing (may vá)

- Reason (lý do): making own clothes (tự may quần áo)

- Started (bắt đầu): last year (năm rồi)

- Who share the hobby (ai chia sẻ sở thích): elder sister (chị gái)

- Easy or difficult (dễ hay khó): quite difficult (khá khó)

- Where to get the sewing patterns (lấy mẫu may từ đâu): fashion magazines (tạp chí thời trang).

Nam: Hi Hoa, what are you doing?

Hoa: I'm sewing a dress for my elder sister.

Nam: Oh, great. It seems you like sewing very much.

Hoa: Yes, it's my hobby.

Nam: Why do you like it?

Hoa: Because I want to make my clothes.

Nam: When did you start your hobby?

Hoa: Last year.

Nam: Who do you share your hobby with?

Hoa: My elder sister.

Nam: Is it difficult?

Hoa: Yes, it's quite difficult.

Nam: Where do you get the sewing patterns?

Hoa: From fashion magazines.

Hướng dẫn dịch:

Nam: Chào Hoa, cậu đang làm gì thế?

Hoa: Mình đang may một cái đầm cho chị gái.

Nam: Ô, tuyệt. Dường như bạn rất thích may vá.

Hoa: Đúng vậy, nó là sở thích của mình.

Nam: Tại sao bạn thích nó?

Hoa: Bởi vì mình thích tự may quần áo.

Nam: Bạn bắt đầu sở thích khi nào?

Hoa: Từ năm ngoái.

Nam: Bạn chia sẻ sở thích với ai?

Hoa: Chị gái mình.

Nam: Nó có khó không?

Hoa: Có, nó khá là khó.

Nam: Bạn lấy mẫu may ở đâu?

Hoa: Từ tạp chí thời trang.

Giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 7 Reading trang 7, 8 sách mới

1. Choose the correct word...

(Chọn từ đúng được đánh dấu A, B hoặc C để điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau.)

1. b. why	2. c. tiredness	3. a. help	4. b. in
5. c. benefit	6. a. addition	7. c. join	8. b. as

Hướng dẫn dịch:

Sở thích

Có nhiều lý do cho việc tại sao khi có một sở thích là điều rất quan trọng. Đầu tiên, một sở thích có thể là một phương thuốc cho sự mệt mỏi của bạn. Bởi vì nó là một hoạt động mà bạn chọn cho chính mình, nó sẽ luôn mang đến cho bạn sự thoải mái và giúp bạn thư giãn. Thậm chí nếu bạn chỉ dành ít thời gian tận hưởng sở thích của mình, bạn có thể thấy sự khác biệt trong tinh thần của bạn. Thứ hai, vài sở thích có thể cũng mang đến cho bạn lợi ích về tài chính, Nhiều người lớn tuổi thích làm vườn. Họ trồng nhiều cây và rau, vì thế họ có thể bán chúng để kiếm ít tiền. Hơn nữa, một sở thích có thể giúp bạn kết nối với những người khác. Nếu bạn thích sưu tầm tem bạn có thể tham gia một câu lạc bộ tem để chia sẻ album của mình với những người sưu tầm khác. Nếu sở thích của bạn là khắc vỏ trứng, bạn có thể mang sản phẩm của bạn đến biểu cho bạn bè để làm quà.

2a. Match each word ...

(Nối mỗi từ trong phần A với nghĩa của nó trong phần B.)

1 – b	2 – d	3 – e	4 – a	5 – c
-------	-------	-------	-------	-------

Hướng dẫn dịch:

1. replica (mô hình) – là bản sao chính xác của các vật chất.
2. architectural (kiến trúc) – liên kết nghệ thuật và nghiên cứu thiết kế tòa nhà.
3. check out (kiểm tra) – kiểm tra thứ gì mà chắc chắn là nó có thực hay phù hợp.
4. kit (dụng cụ) – một bộ những bộ phận làm cái gì
5. assembling (lắp ráp) – gắn kết cùng nhau tất cả các phần của cái gì.

2b. Write T (true) or F (false)...

(Viết T (đúng), F (sai) ở cuối mỗi câu.)

1. F	2. T	3. F	4. T	5. T
------	------	------	------	------

Dịch:

1. Bạn phải làm việc với những người khác khi bạn làm mô hình.
2. Người ta có thể làm mô hình của hầu hết vật gì..
3. Thật bất thường khi người ta làm những mô hình kiến trúc.
4. Bạn có thể tìm thấy những mô hình khác nhau ở cửa hàng yêu thích gần nhà bạn.
5. Người ta được khuyên là làm những mô hình đơn giản khi học bắt đầu sở thích này.

Hướng dẫn dịch:

Làm mô hình

Làm mô hình là một cách tuyệt vời để dành thời gian một mình hoặc thậm chí cùng gia đình bạn. Làm mô hình có nghĩa là làm những mô hình về vật chất trong cuộc sống thật. Bạn có thể làm những mô hình của nhiều thứ trên thế giới. Nhưng những mô hình phổ biến nhất là những mô hình về người, máy bay và máy móc chiến tranh như xe tăng hoặc tàu thủy. Một loại mô hình phổ biến quan trọng khác là kiến trúc. Nó có nghĩa là người ta làm những mô hình về tòa nhà và thậm chí là những cụm tòa nhà.

Điều đầu tiên để làm là xác định thứ mà bạn thích nhất. Nó nên thực tế và giá cả phải chăng. Ví dụ khi bạn quyết định muốn làm mô hình máy bay, bạn có thể đi đến một cửa hàng yêu thích trong khu phố và kiểm tra những loại mô hình khác nhau ở đó. Những máy bay đó ở dưới dạng

dụng cụ và bạn sẽ có niềm vui lấp rả y như mô hình máy bay đầy đủ. Nếu bạn mới có sở thích này, thì lúc ban đầu bạn nên chọn cái gì đó đơn giản.

3. Fill a word in each blank...

(Điền một từ vào khoảng trống trong đoạn văn sau.)

(1) began	(2) about	(3) reading	(4) because
(5) why	(6) it	(7) there	(8) share

Hướng dẫn dịch:

Sở thích của tôi là đọc. Tôi đã bắt đầu sở thích này khi tôi 5 tuổi. Tôi vẫn nhớ quyển sách đầu tiên mà tôi đọc nói về một con thỏ lười biếng. Tôi đã rất hào hứng khi đọc quyển sách đó, vì thế tôi cứ đọc.

Tôi thích đọc bởi vì nó phát triển trí tưởng tượng của tôi. Nó cũng mở rộng kiến thức của tôi. Tôi có thể hiểu được tại sao một quốc gia có tên của nó hoặc điều gì gây nên những thảm họa thiên nhiên. Hơn nữa, nó giúp tôi liên hệ với những học sinh khác bởi vì có một câu lạc bộ sách ở trường tôi. Chúng tôi họp nhau lại một tuần một lần để chia sẻ những gì chúng tôi đọc.

Giải SBT Tiếng Anh 7 mới Writing trang 9

1. Make sentences...

(Đặt câu, sử dụng những từ và cụm từ bên dưới.)

1. Tuan finds playing table-tennis interesting because he plays with his best friends.
2. My brother doesn't like ice-skating because he thinks it's dangerous.
3. Why don't you take jogging? It will help you keep fit.
4. You need to be patient to make beautiful gifts from eggshells.
5. I think you should take up jogging because it is suitable for health condition.

Hướng dẫn dịch:

1. Tuấn thấy việc chơi bóng bàn thật thú vị vì anh ấy chơi với bạn thân của anh ta.
2. Anh trai tôi không thích trượt băng vì anh ấy nghĩ nó thật nguy hiểm.

3. Tại sao bạn không chạy bộ? Nó sẽ giúp bạn giữ dáng.
4. Bạn nên kiên nhẫn khi làm những món quà xinh đẹp từ vỏ trứng.
5. Tôi nghĩ bạn nên chạy bộ bởi vì nó phù hợp cho điều kiện sức khỏe.

2. Think about your favourite hobby...

(Nghĩ về sở thích của em. Điền vào lưới từ với thông tin riêng của em. Sau đó viết một đoạn văn ngắn 100 từ về sở thích của em.)

Playing badminton is my hobby. I started playing badminton two years ago. I usually play with my friends. I usually go to the park and practice every day with my friends. We have to rent the playing court and buy rackets and shuttlecock. I will practice more to attend the badminton competition in my neighbourhood. I am really happy to play badminton.

Hướng dẫn dịch:

Sở thích của tôi:

1. Tên sở thích: playing badminton (chơi cầu lông)
2. Đã bắt đầu: 2 years ago (cách đây 2 năm)
3. Người chia sẻ sở thích: bạn bè
4. Để thực hiện sở thích này: Tôi phải đi đến công viên và tập luyện hàng ngày cùng bạn bè. Tôi phải thuê sân tập, mua quả cầu và vợt.
5. Tương lai: Tôi sẽ tập luyện nhiều hơn để đi thi đấu cho khu phố.
6. Cảm nhận về sở thích: Tôi thấy vui khi được chơi cầu lông.

Chơi cầu lông là sở thích của tôi. Tôi bắt đầu chơi cách đây 2 năm. Tôi thường chơi với bạn bè mình. Tôi thường đi đến công viên và luyện tập hàng ngày với bạn bè. Chúng tôi phải thuê sân, mua vợt và cầu. Tôi sẽ luyện tập nhiều hơn để tham gia cuộc thi đấu cầu lông ở khu phố. Tôi thật sự vui khi chơi cầu lông.